

Bản án số: 12/2024/HS-ST
Ngày: 20-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÂN SƠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lê

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Thanh Vân

Bà Hà Kiều Diễm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thùy Chung - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Thiêm Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Bé Ngọc H (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 21 tháng 02 năm 1986 tại huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: **Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn**. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: **Bé Ngọc T**, sinh năm 1961 và bà **Hoàng Thị B**, sinh năm 1960; Bị cáo có vợ là **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1990 và 01 con, sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 18/10/2023 đến ngày 27/10/2023 thì chuyển biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến ngày 11/02/2024, hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

- Người làm chứng: Anh **Hoàng Đức T1**, sinh năm 1983 - Địa chỉ: **Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09 giờ 10 phút ngày 18/10/2023, tổ công tác **Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn** thực hiện nhiệm vụ tuần tra kiểm soát về an ninh trật tự tại địa bàn **xã T, huyện N** thì phát hiện 02 đối tượng nam giới điều khiển xe mô tô BKS 97F8-3309, nhãn

hiệu Honda Wave RSX, màu đỏ đen theo tuyến đường tỉnh lộ 252B, từ thị trấn V đi xã T, huyện N có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy. Tổ công tác tiến hành kiểm tra thì các đối tượng khai nhận họ tên là Hoàng Đức T1, người điều khiển xe mô tô và người ngồi sau là Bé Ngọc H đều trú tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Qua kiểm tra, H tự nguyện giao nộp 01 gói chất màu trắng dạng cục và bột được gói bằng hai lớp, lớp bên ngoài là mảnh giấy có một mặt màu vàng, một mặt màu trắng, lớp bên trong là mảnh túi nilon màu hồng được Hiệu cất trong túi áo khoác màu đen đằng trước bên phải Hiệu đang mặc (niêm phong trong phong bì ký hiệu H1), phát hiện 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Redmi, màu xanh bạc có ốp nhựa giả da màu nâu đen, đã qua sử dụng trong túi áo khoác đằng trước bên phải H đang mặc (niêm phong trong phong bì ký hiệu H2). Tiến hành kiểm tra người Thuận và chiếc xe mô tô do T1 điều khiển không phát hiện thu giữ gì. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với H và T1 sau đó đưa các đối tượng cùng tang vật về trụ sở Công an huyện để làm việc.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tiến hành khám xét chỗ ở và các công trình phụ cận có liên quan của H tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Kết quả khám xét không phát hiện, thu giữ thêm đồ vật, tài liệu gì có liên quan đến hành vi phạm.

Hồi 13 giờ 50 phút ngày 18/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện N tiến hành mở, đóng niêm phong và cân xác định khối lượng số chất màu trắng dạng cục, bột trong phong bì ký hiệu H1 thu được của H, cân riêng số chất màu trắng dạng cục và bột có khối lượng 0,44g (không phải bốn bốn gam) và được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1 để gửi đi giám định. Số vật chứng còn lại gồm 01 phong bì ký hiệu H1 đã mở niêm phong, giấy gói cũ cho vào phong bì mới niêm phong ký hiệu T2.

Tại Kết luận giám định số 329/KL-KTHS ngày 25/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Mẫu chất màu trắng dạng cục, bột trong phong bì ký hiệu T1 là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,44g (không phải bốn bốn gam).

Quá trình điều tra H khai nhận: Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 18/10/2023 H có rủ anh Hoàng Đức T1 là người cùng thôn lên khu vực xã B chơi, T1 đồng ý và lấy xe mô tô BKS 97F8- 3309 của T1 chở H đi. Khi đi đến Khu C, xã B, H bảo T1 dừng, xuống xe và đợi ở cạnh đường Q còn H mượn xe T1 đi vào xã T. Hiệu gặp một người đàn ông khoảng 40 tuổi (không biết họ, tên, địa chỉ ở đâu) trông giống người nghiện nên H hỏi mua ma túy và được người đó đồng ý bán ma túy cho với số tiền là 700.000 đồng, người đó cầm tiền đi theo đường vào xã T khoảng 15 phút sau đó quay lại đưa cho H 01 (một) gói ma túy gói bằng giấy gói màu vàng và cất gói ma túy đó vào túi áo khoác đằng trước bên phải H đang mặc rồi đi xe quay về chỗ T1 đang đợi. Khi đến, H cho T1 lái xe để đi về nhà. Đến đoạn đường thuộc thôn B, xã T, huyện N thì bị lực lượng Công an huyện N yêu cầu kiểm tra hành chính với hai người, H chấp hành và tự nguyện giao nộp gói ma túy nêu trên cho cơ quan Công an. Sau đó Cơ quan Công an đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với H cùng tang vật và đưa về trụ sở để làm việc.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS-NS, ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn đã truy tố bị cáo **Bé Ngọc H** về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Bé Ngọc H** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị xử lý bị cáo như sau:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời gian bị tạm giữ.

- Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy (**H**) hoàn lại sau khi giám định, giấy gói cũ, phong bì niêm phong cũ có trong các phong bì niêm phong ký hiệu T187, T2. Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động. Về án phí: Đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa hay khiếu nại gì. Lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện N**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện N**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt

Tại phiên tòa, bị cáo **Bé Ngọc H** khai nhận: Do nghiện ma túy nên ngày 18/10/2023, bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép 01 (một) gói ma túy (Heroine) có tổng khối lượng 0,44g (không phẩy bốn bốn gam) trên người mục đích sử dụng cho bản thân và đã bị tổ công tác **Công an huyện N** phát hiện bắt quả tang, tiến hành thu giữ toàn bộ tang vật.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 09 giờ 19 phút, ngày 18/10/2023; biên bản khám xét lập hồi 13 giờ 30

phút ngày 18/10/2023; biên bản mở đóng niêm phong, cân xác định khối lượng chất màu trắng nghi là chất ma túy và gửi mẫu giám định ngày 18/10/2023; phù hợp với Kết luận giám định số 329/KL-KTHS ngày 25/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh B; phù hợp với các biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung đối với bị can và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua tranh luận tại phiên tòa không có mâu thuẫn, không làm phát sinh tình tiết, chứng cứ mới.

Vì vậy, có đầy đủ cơ sở kết luận hành vi của Bé Ngọc H đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều luật có nội dung:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

.....

c) Heroine..... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”

[3] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng do ý thức coi thường pháp luật, không chịu tu dưỡng đạo đức, lối sống, bị cáo đã nghiện ma túy và đã cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 0,44 gam (không phải bốn bốn gam) ma túy (Heroine).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội, tiếp tay cho các đối tượng hám lời có cơ hội lưu thông, buôn bán ma túy, là nguyên nhân làm lây lan, phát sinh nhiều tệ nạn nguy hiểm xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngân Sơn quyết định truy tố bị cáo trước Tòa án để xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định của pháp luật, đúng với diễn biến khách quan của vụ án, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Bị cáo có ông nội là Bé Ngọc Đ được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất, bà nội Hoàng Thị Đ1 là thanh niên xung phong trong thời kỳ kháng chiến chống pháp. Do vậy, bị cáo

được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Từ những nhận định trên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, không có việc làm, thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án: Số ma túy (Heroine) hoàn lại sau khi giám định, giấy gói cũ và phong bì niêm phong cũ là vật cấm lưu hành và vật không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy; Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động bị tạm giữ là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, xét cần trả lại cho bị cáo; Đối với 01 (một) xe mô tô BKS 97F8-3309 bị tạm giữ, qua xác minh, xác định được chiếc xe thuộc sở hữu của anh Hoàng Đức T1 nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T1. Việc trả lại chiếc xe là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Các vấn đề liên quan trong vụ án:

Đối với người đàn ông bị cáo khai nhận được đưa tiền để đi mua ma túy, quá trình điều tra không xác định được họ tên, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Hoàng Đức T1 là người điều khiển chiếc xe đi cùng bị cáo lên xã B và bị cáo đã mượn xe để đi mua ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy trên người thì T1 không biết nên Cơ quan CSĐT Công an huyện N không có căn cứ để xử lý T1. Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Do vậy bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Bé Ngọc H** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 1 8/10/2023 đến ngày 27/10/2023.

2. Về xử lý vật chứng trong vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

2.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì dán kín niêm phong, trên mặt phong bì ghi: “T187; Mẫu hoàn trả sau giám định vụ: Hoàng Đức T1 (1983) và Bé Ngọc H (1986), tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- 01 (một) phong bì dán kín niêm phong, trên mặt phong bì ghi: “Phong bì niêm phong cũ và giấy gói cũ thu giữ ngày 18/10/2023 được niêm phong trong phong bì ký hiệu T2”.

2.2. Trả lại cho bị cáo Bé Ngọc H: 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, tạm giữ của Bé Ngọc H ngày 18/10/2023, có trong 01 (một) phong bì dán kín niêm phong ký hiệu H2.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 02/02/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện;
- Cơ quan THAHS Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ